TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/HS-PT
Ngày: 05-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh).

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Văn C**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1972 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Lê Thị N (Đều đã chết); vợ Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1969, có 02 người con, sinh năm 1995 và năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có 02 người bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và 02 người làm chứng không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn C với bà Mai Thị T là bạn bè quen biết với nhau. Bị cáo C biết bà T có thửa đất số 216, tờ bản đồ số 5-2, diện tích 100m^2 tại Khu dân cư

vượt lũ thị trấn T, thuộc Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An và có sơ đồ thửa đất in mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do cần tiền để trả nợ, nên bị cáo C nảy sinh ý định sử dụng mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T để tự xưng mình là chủ đất, rồi kêu bán đất của bà T nhằm mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua đất và trả nợ cá nhân.

Ngày 28/9/2023, thông qua các ông Võ Văn T1 và Nguyễn Công B tìm được người mua đất là bị hại Nguyễn Văn T2. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Chí dẫn ông T2 cùng với các ông T1 và B đến vị trí thửa đất 216 của bà T nằm trên tuyến đường P thuộc Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Tại đây, bị cáo C giới thiệu với ông T2 mình là chủ đất, ông T2 đồng ý mua, hai bên thỏa thuận bán thửa đất trên với giá 750.000.000 đồng; ngày thực hiện hợp đồng chuyển nhượng là ngày 18/10/2023; tiền đặt cọc là 150.000.000 đồng.

Sau đó, bị cáo C cùng với các ông T2, T1 và B đến nhà của ông B để lập Hợp đồng đặt cọc mua bán đất. Tại đây, ông T1 viết hợp đồng, bị cáo C ký tên vào mục đại diện bên A (bên bán đất). Lúc này, bà Nguyễn Kim T3 là vợ của ông T2 đến và ký tên vào hợp đồng ở mục đại diện bên B (bên mua đất). Sau khi lập hợp đồng, ông T2 giao tiền cọc cho bị cáo C số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 29/9/2023, bị cáo C nói dối với ông T2 cần thêm tiền để trả lãi và rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong Ngân hàng, nên yêu cầu ông T2 đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng. Ông T2 đã đưa cho bị cáo C 20.000.000 đồng tại quán nước Khách sạn P thuộc Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Đến ngày 18/10/2023, bị cáo C nói với ông T2 là giấy tờ, hồ sơ bị trục trặc, xin gia hạn đến ngày 23/10/2023. Ngày 23/10/2023, bị cáo C đến nhà ông T2 tiếp tục nói dối với ông T2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong Ngân hàng chưa lấy ra được và yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng tiền cọc, nên ông T2 đưa cho bị cáo C 10.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 180.000.000 đồng, bị cáo C đã sử dụng để trả nợ cá nhân. Sau đó, ông T2 yêu cầu bị cáo C thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, nhưng bị cáo C nhiều lần hứa hẹn là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H đang giữ, không có thế chấp Ngân hàng. Đến ngày 06/11/2024, ông T2 phát hiện thửa đất trên là của bà Mai Thị T, biết mình bị chiếm đoạt tiền nên trình báo Công an.

Tại Bản kết luận giám định số 732/KL-KTHS ngày 08/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên "Phạm Văn C" trên Hợp đồng đặt cọc là của Phạm Văn C ký và viết ra.

Vật chứng thu giữ: 01 USB màu đen, hiệu Kingston, loại 32GB.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh), đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn thi hành án được tính từ ngày 09/01/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho bị hại ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Kim T3 số tiền chiếm đoạt và bồi thường thiệt hại là 209.797.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H liên đới chịu 10.489.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn tiếp tục tạm giam, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/6/2025, bị cáo Phạm Văn C kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Mức hình phạt đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng. Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo không phát biểu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn C có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định,

nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xét:

Bị cáo Phạm Văn C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo không phải là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 5-2, diện tích 100m^2 tại Khu dân cư vượt lũ thị trấn T, thuộc Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, nhưng bị cáo đưa ra thông tin gian dối là chủ sử dụng để vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Kim T3 tin là thật, đồng ý nhận chuyển nhượng, đặt cọc tiền nhằm để bị cáo chiếm đoạt nhiều lần với tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Với hành vi như trên của bị cáo, đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy mức án 04 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Ngoài ra, căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, xét thấy Bản án sơ thẩm còn có những sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật, mặc dù không có kháng cáo kháng nghị, nhưng cần sửa lại cho đúng quy định của pháp luật, như sau:

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Phạm Văn C cùng bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho bị hại ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Kim T3 số tiền chiếm đoạt và bồi thường thiệt hại với số tiền là 209.797.000 đồng là không có căn cứ. Vì, trong vụ án này bà H không là đồng phạm với bị cáo C, nên không có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho người bị hại ; số tiền bị cáo chiếm đoạt không phát sinh lãi suất từ thời điểm chiếm đoạt, nên không buộc phải có nghĩa vụ trả lãi suất. Do đó, cần buộc bị cáo C có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại là 180.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H cũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Từ những căn cứ và nhận định trên: Căn cứ các điểm a và b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C về hình phạt đối với bị cáo. Sửa một phần của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 345; các điểm a và b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn C tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh).

Sửa một phần của Bản án sơ thẩm số 26/2025/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh) về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt:

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn thi hành án được tính từ ngày 09/01/2025.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn C 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 05/9/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584 và 585 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phạm Văn C có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Kim T3 số tiền 180.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Căn cứ: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Văn C nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Văn C nộp 10.489.850 đồng phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- Công an tỉnh Tây Ninh (02);
- TAND Khu vực 2 (02);
- VKSND Khu vực 2 (01);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thiện Tâm